

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ  
TRƯỜNG HỌC ĐÀ NẴNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC ĐÀ NẴNG**

Địa chỉ: 76-78 Bạch Đằng, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh báo cáo tài chính	9 – 37

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: 76-78 Bạch Đằng, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Đà Nẵng (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

### THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Văn Cần	Chủ tịch
Ông Hoàng Ngọc Lộc	Thành viên
Ông Lê Trường Kỳ	Thành viên
Ông Lê Anh Long	Thành viên
Ông Lê Huy Đông	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Khương Tịnh	Trưởng ban
Ông Huỳnh Nguyên Văn	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thảo	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Văn Cần	Giám đốc
Bà Trương Thị Hào	Phó Giám đốc
Ông Hoàng Ngọc Lộc	Phó Giám đốc

### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam – Chi nhánh Miền Trung, thành viên RSM Quốc tế.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC ĐÀ NẴNG**

Địa chỉ: 76-78 Bạch Đằng, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc



**Nguyễn Văn Cần**  
**Giám đốc**

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 01 năm 2019



Chi nhánh Miền Trung  
Tầng 3, Số 142 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường Nam  
Quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng, Việt Nam

T +84236 363 3334  
F +84236 363 3334

www.rsm.com.vn

Số: 03/BCKT/2019-RSMMT

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các thành viên Hội đồng quản trị**  
**Các thành viên Ban Giám đốc**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC ĐÀ NẴNG**

### Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Đà Nẵng (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 27/01/2019 từ trang 05 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

### Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Đà Nẵng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Trần Dương Nghĩa**  
Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
1309-2018-026-1

A blue ink signature of Kim Văn Việt.

**Kim Văn Việt**  
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
1486-2018-026-1

**Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam**  
**Chi nhánh Miền Trung**  
Đà Nẵng, ngày 29 tháng 01 năm 2019

*Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.*

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: 76-78 Bạch Đằng, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>44.801.669.539</b>	<b>22.520.228.253</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4.1</b>	<b>33.151.937.658</b>	<b>9.812.310.712</b>
1. Tiền	111		3.251.937.658	2.912.310.712
2. Các khoản tương đương tiền	112		29.900.000.000	6.900.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.777.350.755</b>	<b>1.693.772.271</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	1.329.347.103	1.695.339.836
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.198.000	-
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.3	478.116.652	29.743.435
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.4	(31.311.000)	(31.311.000)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>4.5</b>	<b>9.843.214.283</b>	<b>10.985.554.566</b>
1. Hàng tồn kho	141		9.897.823.249	11.039.886.311
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(54.608.966)	(54.331.745)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>29.166.843</b>	<b>28.590.704</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.9	-	5.520.124
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.11	29.166.843	23.070.580
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>27.185.940.051</b>	<b>28.913.996.923</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>19.263.885.285</b>	<b>20.830.494.016</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.6	4.114.561.868	4.608.980.657
Nguyên giá	222		14.845.542.462	15.156.462.518
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.730.980.594)	(10.547.481.861)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.7	15.149.323.417	16.221.513.359
Nguyên giá	228		15.149.323.417	16.221.513.359
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>4.8</b>	<b>6.643.898.146</b>	<b>7.888.347.798</b>
1. Nguyên giá	231		20.772.787.944	22.176.419.173
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(14.128.889.798)	(14.288.071.375)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.278.156.620</b>	<b>195.155.109</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.9	1.278.156.620	195.155.109
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>71.987.609.590</b>	<b>51.434.225.176</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: 76-78 Bạch Đằng, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>10.044.244.465</b>	<b>11.910.253.136</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>9.308.472.964</b>	<b>11.406.692.736</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.10	5.712.373.963	8.379.629.597
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.13	6.712.195	9.005.645
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.11	822.918.563	538.908.954
4. Phải trả người lao động	314		-	588.889.543
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.12	27.160.164	28.892.000
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	4.14	1.383.170.842	716.492.326
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.13	1.029.450.091	872.636.147
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		326.687.146	272.238.524
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>735.771.501</b>	<b>503.560.400</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Phải trả dài hạn khác	337	4.13	735.771.501	503.560.400
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>61.943.365.125</b>	<b>39.523.972.040</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>4.15</b>	<b>61.943.365.125</b>	<b>39.523.972.040</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		30.000.000.000	30.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		30.000.000.000	30.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.707.300.000	2.707.300.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		901.274.320	589.937.598
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		28.334.790.805	6.226.734.442
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		54.060.998	-
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		28.280.729.807	6.226.734.442
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>71.987.609.590</b>	<b>51.434.225.176</b>



Nguyễn Văn Càn  
Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 27 tháng 01 năm 2019

Lê Mạnh  
Kế toán trưởng

Phạm Mai Anh  
Người lập



CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: 76-78 Bạch Đằng, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 02 - DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2018	Năm 2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	83.380.987.814	77.541.795.203
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.2	185.061.341	151.575.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		83.195.926.473	77.390.220.203
4. Giá vốn hàng bán	11	5.3	59.442.189.089	55.448.354.690
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		23.753.737.384	21.941.865.513
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.4	381.720.910	438.532.926
7. Chi phí tài chính	22	5.5	54.062.795	33.297.534
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		<i>54.062.795</i>	<i>33.297.534</i>
9. Chi phí bán hàng	25	5.6	11.862.729.230	11.582.786.284
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.7	2.802.698.610	3.004.616.046
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		9.415.967.659	7.759.698.575
12. Thu nhập khác	31	5.8	26.231.862.185	556.024.379
13. Chi phí khác	32	5.9	178.469.052	401.462.069
14. Lợi nhuận khác	40		26.053.393.133	154.562.310
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		35.469.360.792	7.914.260.885
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.11	7.098.630.985	1.606.152.443
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		28.370.729.807	6.308.108.442
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.15.5	8.956	1.972
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.18.6	8.956	1.972



Nguyễn Văn Căn  
Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 27 tháng 01 năm 2019

Lê Mạnh  
Kế toán trưởng

Phạm Mai Anh  
Người lập

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC ĐÀ NẴNG**

Địa chỉ: 76-78 Bạch Đằng, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2018	Năm 2017
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		35.469.360.792	7.914.260.885
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BDSĐT	02		1.291.194.961	1.474.742.281
Các khoản dự phòng	03		277.221	54.331.745
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(26.083.022.061)	(323.817.545)
Chi phí lãi vay	06		54.062.795	33.297.534
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08		10.731.873.708	9.152.814.900
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		43.434.843	(502.959.886)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.142.063.062	(1.766.267.301)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(2.318.753.814)	3.045.144.161
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(1.077.481.387)	6.529.397
Tiền lãi vay đã trả	14		(54.062.795)	(33.297.534)
Thuê thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(6.968.516.430)	(1.834.418.309)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(345.355.100)	(217.025.440)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.153.202.087	7.850.519.988
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(111.397.670)	(1.315.232.696)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		27.555.751.037	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24		-	2.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		283.024.856	366.946.434
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		27.272.378.223	1.051.713.738
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	4.317.000.000	4.700.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(4.317.000.000)	(4.700.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36		(5.540.953.364)	(11.411.792.540)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(5.540.953.364)	(11.411.792.540)
<b>LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG KỲ</b>	50		23.339.626.946	(2.509.558.814)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		9.812.310.712	12.321.869.526
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ</b>	70		33.151.937.658	9.812.310.712



Nguyễn Văn Cân  
Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 27 tháng 01 năm 2019

Lê Mạnh  
Kế toán trưởng

Phạm Mai Anh  
Người lập

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC ĐÀ NẴNG**

Địa chỉ: 76-78 Bạch Đằng, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu B 09 – DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Đà Nẵng (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty Sách và Thiết bị Trường học Đà Nẵng, một doanh nghiệp Nhà nước. Ngày 24 tháng 05 năm 2004, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400465793 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 16 tháng 01 năm 2014.

Ngày 21 tháng 10 năm 2009, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 635/QĐ-SGDHN ngày 30 tháng 09 năm 2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 30.000.000.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia	Tại ngày 31/12/2018		Tại ngày 01/01/2018	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Ông Nguyễn Văn Cẩn	Việt Nam	7.143.950.000	23,81	7.143.950.000	23,81
Ông Thái Văn May	Việt Nam	3.516.900.000	11,72	3.516.900.000	11,72
Ông Lê Trường Kỳ	Việt Nam	9.045.800.000	30,15	6.245.800.000	20,82
Bà Huỳnh Phước Huyền Vy	Việt Nam	5.000.000.000	16,67	5.000.000.000	16,67
Vốn góp của các cổ đông khác		5.293.350.000	17,65	8.093.350.000	26,98
<b>Cộng</b>		<b>30.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>100</b>

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 76-78 Bạch Đằng, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 119 người (31 tháng 12 năm 2017 là: 121).

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh**

Kinh doanh thương mại, dịch vụ.

**1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: bán buôn sách giáo khoa, sách giáo viên, sách mở rộng và nâng cao kiến thức, giấy vở, thiết bị dạy và học, văn phòng phẩm;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: bán lẻ sách giáo khoa, sách giáo viên, sách mở rộng và nâng cao kiến thức, giấy vở, thiết bị dạy và học, văn phòng phẩm;
- In ấn. Chi tiết: in ấn sách giáo khoa, biểu mẫu, hồ sơ sổ sách phục vụ ngành giáo dục và in bao bì giấy nhựa. In gia công, tham gia khai thác các loại ấn phẩm khác;

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC ĐÀ NẴNG**

Địa chỉ: 76-78 Bạch Đằng, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi). Bán buôn trang thiết bị cho phòng thí nghiệm, dụng cụ nghe nhìn;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: cho thuê văn phòng, mặt bằng kinh doanh, kho;
- Sản xuất đồ chơi, trò chơi. Chi tiết: sản xuất đồ chơi trẻ em, đồ chơi mẫu giáo, đồ dùng dạy học;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: sản xuất trang thiết bị cho phòng thí nghiệm;
- Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng. Chi tiết: sản xuất dụng cụ nghe nhìn;
- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính). Chi tiết: sản xuất thiết bị văn phòng, máy vi tính, phần mềm dạy học, sản phẩm điện tử;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: bán buôn đồ chơi trẻ em, đồ chơi mẫu giáo, đồ dùng dạy học, thiết bị văn phòng, máy vi tính, phần mềm vi tính dạy học, sản phẩm điện tử. Xuất nhập khẩu sản phẩm văn hóa phẩm giáo dục, văn phòng phẩm, thiết bị vi tính, điện tử, giấy in các loại;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: kinh doanh nhà hàng;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: kinh doanh các loại hình vui chơi giải trí;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: thiết kế mỹ thuật, tạo mẫu;
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: nhận ủy thác mua bán, xuất nhập khẩu hàng hóa;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục. Chi tiết: tư vấn cho ngành giáo dục về công tác sách và thiết bị trường học, tham gia hỗ trợ chuyên môn và phát triển công tác sách, thiết bị, thư viện nhà trường.

**1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**1.5. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2018 gồm:

	<b>Tên</b>	<b>Địa chỉ</b>
1	Nhà sách Đà Nẵng	76 Bạch Đằng, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng
2	Nhà sách Đà Nẵng 3	409 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng
3	Nhà sách Hòa Khánh	812 Tôn Đức Thắng, Phường Hòa Khánh Nam, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng
4	Nhà sách Cẩm Lệ	42 Ông Ích Đường, Phường Hòa Thọ Đông, Quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng
5	Nhà sách Thanh Khê	722 Trần Cao Vân, Phường Xuân Hà, Quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng
6	Nhà in	98 Núi Thành, Phường Hòa Thuận, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

### 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

#### 2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

#### 2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

#### 2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

#### 2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

#### 3.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### 3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

#### 3.3. Đầu tư tài chính

##### *Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

#### 3.4. Nợ phải thu

##### *Nguyên tắc ghi nhận*

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

### *Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi*

Dự phòng phải thu khó đòi là giá trị dự kiến tổn thất do khách hàng không thanh toán cho các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính và đánh giá của Ban Giám đốc dựa trên khả năng thu hồi các khoản nợ phải thu này tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### **3.5. Hàng tồn kho**

#### *Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

#### *Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho*

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

#### *Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

### **3.6. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

#### *Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu*

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác.

#### *Phương pháp khấu hao*

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

#### Năm 2018

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25 năm
▪ Máy móc thiết bị	2 – 7 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	4 – 10 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 năm

### 3.7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

#### *Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu*

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

#### *Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình*

##### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

### 3.8. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

#### *Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư*

Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

#### *Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư*

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm bất động sản như sau:

#### Năm 2018

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25 năm
--------------------------	------------

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng thành bất động sản đầu tư (BĐSDT) hoặc từ BĐSĐT sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp sau:

- BĐSĐT chuyển thành bất động sản chủ sở hữu sử dụng khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này;

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

- Bất động sản chủ sở hữu sử dụng chuyển thành BĐSĐT khi chủ sở hữu kết thúc sử dụng tài sản đó và khi bên khác thuê hoạt động.

Việc chuyển đổi mục đích sử dụng giữa BĐSĐT với bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi giá trị ghi sổ của tài sản được chuyển đổi và không làm thay đổi nguyên giá của bất động sản trong việc xác định giá trị hay để lập báo cáo tài chính.

#### 3.9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Tiền thuê đất, thuê cơ sở hạ tầng, thuê tài sản cố định trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê;
- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 1 năm đến 2 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh.

#### 3.10. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

#### 3.11. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

#### 3.12. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước bao gồm số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu trong kỳ phù hợp với thời gian thuê tài sản.

#### 3.13. Nguồn vốn chủ sở hữu

##### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

##### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.



### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

#### **Cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

#### **Quỹ dự trữ**

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo quy định trong Điều lệ Công ty.

#### **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

### **3.14. Doanh thu, thu nhập khác**

#### **Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

#### **Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

#### **Lãi tiền gửi**

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

#### **Thu nhập đầu tư**

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

#### **Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư**

Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư là phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư cao hơn giá trị còn lại của tài sản cố định, bất động sản đầu tư và chi phí thanh lý.

### **3.15. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

### **3.16. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

### 3.17. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn.

### 3.18. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm chi phí lương nhân viên bán hàng và các khoản chi phí trích theo lương, chi phí khấu hao tài sản cố định, các chi phí giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển....

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

### 3.19. Thuế

#### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

*Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành*

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

#### *Thuế giá trị gia tăng*

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Sách giáo khoa, giáo trình, sách văn bản pháp luật, sách khoa học kỹ thuật,...: không chịu thuế;
- Các loại sách khác và thiết bị văn phòng phẩm: 5% - 10%;
- Các dịch vụ khác: 10%.

#### *Các loại thuế khác*

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

### 3.20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

### 3.21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**3.22. Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

**3.23. Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

**3.24. Công cụ tài chính**

***Ghi nhận ban đầu***

***Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc và các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

***Công nợ tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc và các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC ĐÀ NẴNG**

Địa chỉ: 76-78 Bạch Đằng, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Tiền mặt	64.559.253	34.603.586
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.187.378.405	2.877.707.126
Tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng trở xuống	29.900.000.000	6.900.000.000
<b>Cộng</b>	<b>33.151.937.658</b>	<b>9.812.310.712</b>

**4.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Phải thu của khách hàng từ bên liên quan - Xem thêm mục 8	35.481.160	145.684.500
Phải thu khách hàng:	1.293.865.943	1.549.655.336
Công ty TNHH Thiết bị Giáo dục Hồng Anh	194.675.000	198.000.000
Công ty TNHH TM & DV Thịnh Anh	-	191.095.237
Công ty TNHH TN và DV Tân Tây Lan	-	126.660.680
Công ty TNHH ABLINE	395.887.310	170.039.600
Công ty TNHH In và Quảng cáo Hoa Huân	-	78.860.000
Các đối tượng khác	703.303.633	784.999.819
<b>Cộng</b>	<b>1.329.347.103</b>	<b>1.695.339.836</b>

**4.3. Phải thu ngắn hạn khác**

	Tại ngày 31/12/2018 VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu người lao động	310.511.010	-	23.872.343	-
Lãi dự thu	88.109.590	-	-	-
Bảo hiểm xã hội nộp thừa	1.496.052	-	5.871.092	-
Phải thu khác	78.000.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>478.116.652</b>	<b>-</b>	<b>29.743.435</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC ĐÀ NẴNG**

Địa chỉ: 76-78 Bạch Đằng, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4.4. Nợ xấu**

	Tại ngày 31/12/2018 VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán khó có khả năng thu hồi	31.311.000	-	31.311.000	-
<b>Cộng</b>	<b>31.311.000</b>	<b>-</b>	<b>31.311.000</b>	<b>-</b>

Ban Giám đốc đánh giá khoản Công nợ không có khả năng thu hồi vì đến thời điểm 31/12/2018, Tổng cục thuế đã thông báo Công ty Cổ phần Sông Hồng Đà Nẵng đã đóng mã số thuế và Công ty đang làm hồ sơ xóa nợ.

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2018 VND			Tại ngày 01/01/2018 VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty Cổ phần Sông Hồng Đà Nẵng	31.311.000	-	Trên 3 năm	31.311.000	-	Trên 3 năm
<b>Cộng</b>	<b>31.311.000</b>	<b>-</b>		<b>31.311.000</b>	<b>-</b>	

**4.5. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 31/12/2018 VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	184.365.302	-	263.207.426	-
Thành phẩm	655.663.700	-	403.114.632	-
Hàng hóa	9.057.794.247	54.608.966	10.373.564.253	54.331.745
<b>Cộng</b>	<b>9.897.823.249</b>	<b>54.608.966</b>	<b>11.039.886.311</b>	<b>54.331.745</b>

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất chậm tiêu thụ tại thời điểm cuối năm là 365.209.466 VND.

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản phải trả tại thời điểm cuối năm là 0 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	P/ tiện vận tải, truyền dẫn VND	T/bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2018	7.865.645.201	4.475.308.507	2.661.352.456	154.156.354	15.156.462.518
Chuyển từ BĐS đầu tư sang	140.813.526	-	-	-	140.813.526
Thanh lý, nhượng bán	-	436.772.727	-	-	436.772.727
Chuyển sang BĐS đầu tư	14.960.855	-	-	-	14.960.855
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>7.991.497.872</b>	<b>4.038.535.780</b>	<b>2.661.352.456</b>	<b>154.156.354</b>	<b>14.845.542.462</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2018	4.265.840.957	4.303.684.821	1.823.799.729	154.156.354	10.547.481.861
Khấu hao trong năm	330.279.021	48.448.194	156.347.948	-	535.075.163
Chuyển từ BĐS đầu tư sang	86.055.633	-	-	-	86.055.633
Thanh lý, nhượng bán	-	422.671.208	-	-	422.671.208
Chuyển sang BĐS đầu tư	14.960.855	-	-	-	14.960.855
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>4.667.214.756</b>	<b>3.929.461.807</b>	<b>1.980.147.677</b>	<b>154.156.354</b>	<b>10.730.980.594</b>
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2018	3.599.804.244	171.623.686	837.552.727	-	4.608.980.657
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>3.324.283.116</b>	<b>109.073.973</b>	<b>681.204.779</b>	<b>-</b>	<b>4.114.561.868</b>

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình là 2.281.273.990 đồng đã được dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 7.994.257.179 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC ĐÀ NẴNG**

Địa chỉ: 76-78 Bạch Đằng, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Cộng VND
Nguyên giá:		
Tại ngày 01/01/2018	16.221.513.359	16.221.513.359
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong năm	1.072.189.942	1.072.189.942
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>15.149.323.417</b>	<b>15.149.323.417</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:		
Tại ngày 01/01/2018	-	-
Khấu hao trong kỳ	-	-
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Giá trị còn lại:		
Tại ngày 01/01/2018	16.221.513.359	16.221.513.359
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>15.149.323.417</b>	<b>15.149.323.417</b>

- Thửa đất số 26, tờ bản đồ số 13 tại 76-78 Bạch Đằng, quận Hải Châu, thành Phố Đà Nẵng, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BE572290 do Ủy ban Nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 19 tháng 07 năm 2011, giá trị 5.330.204.600 VND.
- Thửa đất số 18, tờ bản đồ số 10 tại 42 Ông Ích Đường, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AG258663 do Ủy ban Nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 27 tháng 09 năm 2006, giá trị 3.277.575.560 VND.
- Thửa đất số 102a, tờ bản đồ số HK8 tại 812 Tôn Đức Thắng, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất R346918 do Ủy ban Nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 17 tháng 11 năm 2000, giá trị 890.428.369 VND.
- Thửa đất số B4-27, tờ bản đồ số KT04/5 tại đường Ngô Quyền, khu An Hòa, phường An Hải Bắc, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AL356456 do Ủy ban Nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 04 tháng 07 năm 2007, giá trị 1.272.055.366 VND.
- Thửa đất số 94, tờ bản đồ số 18 tại 722 Trần Cao Vân, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 63954 do Ủy ban Nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 21 tháng 01 năm 2003, giá trị 4.114.963.522 VND.
- Thửa đất số 44 tại đường Trần Quang Diệu, phường An Hải Tây, quận Sơn Trà, thành Phố Đà Nẵng, giá trị 264.096.000VND.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình là 5.330.204.600 đồng đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC ĐÀ NẴNG**

Địa chỉ: 76-78 Bạch Đằng, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.8. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

Khoản mục	Tại ngày	Tăng	Giảm	Tại ngày
	01/01/2018	trong năm	trong năm	31/12/2018
	VND	VND	VND	VND
Bất động sản đầu tư cho thuê				
Nguyên giá:				
Nhà	22.176.419.173	14.960.855	1.418.592.084	20.772.787.944
<b>Cộng</b>	<b>22.176.419.173</b>	<b>14.960.855</b>	<b>1.418.592.084</b>	<b>20.772.787.944</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Nhà	14.288.071.375	771.080.653	930.262.230	14.128.889.798
<b>Cộng</b>	<b>14.288.071.375</b>	<b>771.080.653</b>	<b>930.262.230</b>	<b>14.128.889.798</b>
Giá trị còn lại:				
Nhà	7.888.347.798			6.643.898.146
<b>Cộng</b>	<b>7.888.347.798</b>			<b>6.643.898.146</b>

Giá trị còn lại cuối năm của bất động sản đầu tư là 6.643.898.146 đồng đã được dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản vay.

Nguyên giá bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê là 8.093.001.781 đồng.

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư để thuyết minh trong báo cáo tài chính do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư có thể khác với giá trị đang ghi sổ.

Nghị Quyết số 02/2018/NQ-ĐHĐCĐ bất thường của Công ty ngày 12 tháng 09 năm 2018 quyết định thông qua vấn đề liên quan đến việc chuyển nhượng Tài sản thuộc sở hữu Công ty là Quyền sử dụng đất và Công trình xây dựng trên đất tại địa chỉ 193 đường D2, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh cho Bà Huỳnh Phước Huyền Vy, thành viên HĐQT với giá chuyển nhượng 27.490.000.000 đồng.

**4.9. Chi phí trả trước**

	Tại ngày	Tại ngày
	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Ngắn hạn:		
Chi phí thuê đất	-	5.520.124
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>5.520.124</b>
Dài hạn:		
Chi phí thuê đất (*)	1.165.073.750	-
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	113.082.870	195.155.109
<b>Cộng</b>	<b>1.278.156.620</b>	<b>195.155.109</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC ĐÀ NẴNG**

Địa chỉ: 76-78 Bạch Đằng, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

(\*) Chi phí thuê đất tại KCN Hòa Cầm theo hợp đồng thuê số 98/2008/HĐ và phụ lục thuê lại đất số 07/2013/HĐTLĐ/IZI ngày 25/02/2013 thời gian thuê đến hết ngày 31 tháng 01 năm 2028.

**4.10. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2018		Tại ngày 01/01/2018	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Trong đó, phải trả cho người bán là bên liên quan - Xem thêm mục 8	7.850.306	7.850.306	42.343.591	42.343.591
Phải trả người bán:	5.704.523.657	5.704.523.657	8.337.286.006	8.337.286.006
Công ty Cổ phần Sách MCBOOKS	310.823.520	310.823.520	568.791.770	568.791.770
Công ty TNHH TM & DV VH Bảo Long	255.422.175	255.422.175	436.482.099	436.482.099
Công ty CP Giáo dục Đại Trường Phát	371.157.961	371.157.961	352.151.481	352.151.481
Công ty TNHH MTV DVVH Khang Việt	409.250.370	409.250.370	1.164.346.713	1.164.346.713
Các đối tượng khác	4.357.869.631	4.357.869.631	5.815.513.943	5.815.513.943
<b>Cộng</b>	<b>5.712.373.963</b>	<b>5.712.373.963</b>	<b>8.379.629.597</b>	<b>8.379.629.597</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.11. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 31/12/2018		Trong kỳ		Tại ngày 01/01/2018	
	VND		VND		VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp/Khấu trừ	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	397.025.940	4.213.532.453	4.055.908.299	-	239.401.786
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	425.892.623	7.098.630.985	6.968.516.430	-	295.778.068
Thuế thu nhập cá nhân	29.166.843	-	328.175.125	338.000.488	23.070.580	3.729.100
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	393.810.826	393.810.826	-	-
Phí và lệ phí	-	-	8.000.000	8.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>29.166.843</b>	<b>822.918.563</b>	<b>12.042.149.389</b>	<b>11.764.236.043</b>	<b>23.070.580</b>	<b>538.908.954</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.12. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Chi phí vận chuyển sách	13.523.800	28.892.000
Chi phí vệ sinh	13.636.364	-
<b>Cộng</b>	<b>27.160.164</b>	<b>28.892.000</b>

4.13. Phải trả khác

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Ngắn hạn:		
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	551.781.200	727.131.076
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	31.056.032	22.009.396
Thù lao phải trả	28.500.000	20.967.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	418.112.859	102.528.675
<b>Cộng</b>	<b>1.029.450.091</b>	<b>872.636.147</b>
Dài hạn:		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	735.771.501	503.560.400
<b>Cộng</b>	<b>735.771.501</b>	<b>503.560.400</b>

4.14. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Doanh thu nhận trước hoạt động cho thuê nhà	1.095.807.933	429.958.507
Doanh thu chưa thực hiện khác	28.686.545	27.857.455
Doanh thu nhận trước từ bên liên quan - Xem thêm mục 8	258.676.364	258.676.364
<b>Cộng</b>	<b>1.383.170.842</b>	<b>716.492.326</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.15. Vốn chủ sở hữu

4.15.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	
Tại ngày 01/01/2017	30.000.000.000	2.707.300.000	6.285.694.321	6.084.865.548	45.077.859.869
Lãi trong năm trước	-	-	-	6.308.108.442	6.308.108.442
Chuyển quỹ ĐTP sang LNST	-	-	(6.000.000.000)	6.000.000.000	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(380.622.271)	(380.622.271)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	304.243.277	(304.243.277)	-
Chi cổ tức	-	-	-	(11.400.000.000)	(11.400.000.000)
Trả thù lao HĐQT, BKS	-	-	-	(81.374.000)	(81.374.000)
Tại ngày 01/01/2018	30.000.000.000	2.707.300.000	589.937.598	6.226.734.442	39.523.972.040
Lãi trong năm nay	-	-	-	28.370.729.807	28.370.729.807
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	-	(311.336.722)	(311.336.722)
Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	311.336.722	(311.336.722)	-
Chi cổ tức (*)	-	-	-	(5.550.000.000)	(5.550.000.000)
Trả thù lao HĐQT, BKS (*)	-	-	-	(90.000.000)	(90.000.000)
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>2.707.300.000</b>	<b>901.274.320</b>	<b>28.334.790.805</b>	<b>61.943.365.125</b>

(\*) Công ty phân phối lợi nhuận năm 2017 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2018/NQ-DHĐCĐ ngày 21 tháng 04 năm 2018.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC ĐÀ NẴNG**

Địa chỉ: 76-78 Bạch Đằng, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4.15.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Ông Nguyễn Văn Cấn	7.143.950.000	7.143.950.000
Ông Thái Văn May	3.516.900.000	3.516.900.000
Ông Lê Trường Kỳ	9.045.800.000	6.245.800.000
Bà Huỳnh Phước Huyền Vy	5.000.000.000	5.000.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	5.293.350.000	8.093.350.000
<b>Cộng</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>30.000.000.000</b>

**4.15.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Vốn góp đầu năm	30.000.000.000	30.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
<b>Vốn góp cuối năm</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>30.000.000.000</b>

**4.15.4. Cổ phiếu**

	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng:	3.000.000	3.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.000.000	3.000.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ):	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:	3.000.000	3.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.000.000	3.000.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC ĐÀ NẴNG**

Địa chỉ: 76-78 Bạch Đằng, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.15.5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	28.370.729.807	6.308.108.442
Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát	90.000.000	81.374.000
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (5% LNST trừ thù lao HĐQT và BKS)	1.414.036.490	311.336.722
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty	26.866.693.317	5.915.397.720
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	3.000.000	3.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>8.956</b>	<b>1.972</b>

**4.15.6. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	28.370.729.807	6.308.108.442
Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát	90.000.000	81.374.000
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (5% LNST trừ thù lao HĐQT và BKS)	1.414.036.490	311.336.722
Lãi để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	26.866.693.317	5.915.397.720
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	3.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành thêm	-	-
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>8.956</b>	<b>1.972</b>

Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2017 đã trừ quỹ khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 04 năm 2018. Năm 2018 lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính là lợi nhuận sau thuế trừ thù lao HĐQT và Ban Kiểm Soát và quỹ khen thưởng phúc lợi theo kế hoạch được nêu trong Nghị quyết trên.

**4.15.7. Cổ tức**

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 ngày 21 tháng 04 năm 2018 đã thông qua phương án chia cổ tức năm 2017 bằng tiền với tỷ lệ 18,5% vốn điều lệ; ngày đăng ký cuối cùng là ngày 09/05/2018 và thực hiện chi trả từ ngày 07/06/2018.

**4.15.8. Các quỹ của doanh nghiệp**

	Quỹ đầu tư phát triển VND
Tại ngày 01/01/2018	589.937.598
Trích trong kỳ	311.336.722
Chi trong kỳ	-
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>901.274.320</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Doanh thu bán hàng	73.319.920.526	68.160.008.944
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	10.061.067.288	9.381.786.259
<b>Cộng</b>	<b>83.380.987.814</b>	<b>77.541.795.203</b>
Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các bên liên quan - Xem thêm mục 8	1.152.824.264	412.795.273

5.2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Hàng bán bị trả lại	185.061.341	151.575.000
<b>Cộng</b>	<b>185.061.341</b>	<b>151.575.000</b>

5.3. Giá vốn hàng bán

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	54.439.080.732	50.723.759.405
Giá vốn của thành phẩm đã bán	2.601.388.440	2.240.508.626
Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư	2.401.442.696	2.429.754.914
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	277.221	54.331.745
<b>Cộng</b>	<b>59.442.189.089</b>	<b>55.448.354.690</b>

5.4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	371.134.446	323.817.545
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	10.586.464	114.715.381
<b>Cộng</b>	<b>381.720.910</b>	<b>438.532.926</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.5. Chi phí tài chính

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền vay	54.062.795	33.297.534
<b>Cộng</b>	<b>54.062.795</b>	<b>33.297.534</b>

5.6. Chi phí bán hàng

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nhân viên	7.479.283.611	7.779.886.254
Chi phí vật liệu, bao bì, CCDC	156.471.950	134.190.000
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	329.021.786	245.090.051
Chi phí khấu hao TSCĐ	329.746.722	313.392.271
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.052.283.201	2.584.672.744
Chi phí bằng tiền khác	515.921.960	525.554.964
<b>Cộng</b>	<b>11.862.729.230</b>	<b>11.582.786.284</b>

5.7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nhân viên	1.883.511.463	2.198.227.506
Chi phí đồ dùng văn phòng	36.378.843	25.317.357
Chi phí khấu hao TSCĐ	156.880.247	161.224.953
Thuế, phí, lệ phí	49.479.374	214.153.776
Chi phí dịch vụ mua ngoài	334.148.051	120.034.679
Chi phí bằng tiền khác	342.300.632	285.657.775
<b>Cộng</b>	<b>2.802.698.610</b>	<b>3.004.616.046</b>

5.8. Thu nhập khác

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	25.711.887.615	-
Tiền phạt hợp đồng	92.185.000	66.990.000
Thu thanh lý vật tư, hàng hóa	45.098.182	1.527.273
Thu chênh lệch công nợ	74.701.218	178.005.537
Hàng hóa thừa khi kiểm kê	346.764	7.294.783
Thu vận chuyển, lắp ráp	231.890.150	218.283.842
Thu nhập khác	75.753.256	83.922.944
<b>Cộng</b>	<b>26.231.862.185</b>	<b>556.024.379</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.9. Chi phí khác

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Phí niêm yết trả cho Sở GD CK Hà Nội	15.000.000	15.000.000
Phí trả cho Trung tâm lưu ký chứng khoán	5.000.000	5.000.000
Phạt vi phạm hành chính	3.794.134	108.788.011
Thanh lý vật tư, hàng hóa	45.179.386	124.958.102
Chi vận chuyển, lắp ráp	66.950.000	132.290.909
Hỗ trợ giáo dục	-	9.000.000
Chi phí khác	42.545.532	6.425.047
<b>Cộng</b>	<b>178.469.052</b>	<b>401.462.069</b>

5.10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí hàng hóa	54.439.080.732	50.723.759.405
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.687.107.091	1.753.125.133
Chi phí nhân công	10.521.215.633	10.672.855.593
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.291.194.961	1.474.742.281
Chi phí dự phòng giảm giá hàng tồn kho	277.221	54.331.745
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.270.299.206	4.503.274.468
Chi phí khác bằng tiền	1.013.459.910	1.208.930.374
<b>Cộng</b>	<b>74.222.634.754</b>	<b>70.391.018.999</b>

5.11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	35.469.360.792	7.914.260.885
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	23.794.134	138.288.011
- Phí niêm yết	15.000.000	15.000.000
- Phí thực hiện quyền trả Trung tâm lưu ký	5.000.000	5.000.000
- Chi phí khác	3.794.134	118.288.011
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	-	(21.786.682)
- Cổ tức được chia	-	-
- Các khoản phải trả nhà cung cấp đã truy thu thuế theo Quyết định thanh tra thuế năm 2014-2015	-	(21.786.682)
Tổng thu nhập chịu thuế	35.493.154.926	8.030.762.214
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>7.098.630.985</b>	<b>1.606.152.443</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

6.1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	4.317.000.000	4.700.000.000
<b>Cộng</b>	<b>4.317.000.000</b>	<b>4.700.000.000</b>

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	4.317.000.000	4.700.000.000
<b>Cộng</b>	<b>4.317.000.000</b>	<b>4.700.000.000</b>

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có hoạt động chính là kinh doanh sách, văn phòng phẩm, văn hóa phẩm, thiết bị giáo dục, cho thuê mặt bằng văn phòng, nhà xưởng và không có các chi nhánh tại các địa phương khác. Vì vậy, Công ty chỉ trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh, không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý:

- Kinh doanh sách, văn phòng phẩm, văn hóa phẩm, thiết bị giáo dục, in ấn;
- Cho thuê mặt bằng, dịch vụ, bất động sản đầu tư.

	Kinh doanh sách, VPP		Cho thuê mặt bằng, bán BĐS		Tổng cộng	
	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày
	31/12/2018	01/01/2018	31/12/2018	01/01/2018	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản cố định	19.263.885.285	20.830.494.016	6.643.898.146	7.888.347.798	25.907.783.431	28.718.841.814
Tài sản không phân bổ					46.079.826.159	22.715.383.362
<b>Tổng tài sản</b>					<b>71.987.609.590</b>	<b>51.434.225.176</b>

	Kinh doanh sách, VPP		Cho thuê mặt bằng, bán BĐS		Tổng cộng	
	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày
	31/12/2018	01/01/2018	31/12/2018	01/01/2018	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nợ phải trả của bộ phận	7.046.833.776	9.101.941.267	2.670.723.543	1.947.183.802	9.717.557.319	11.049.125.069
Nợ phải trả không phân bổ					326.687.146	861.128.067
<b>Tổng nợ phải trả</b>					<b>10.044.244.465</b>	<b>11.910.253.136</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thông tin khác

	Kinh doanh sách, VPP		Cho thuê mặt bằng, bán BĐS		Tổng cộng	
	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày
	31/12/2018	01/01/2018	31/12/2018	01/01/2018	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản cố định	19.263.885.285	20.830.494.016	6.643.898.146	7.888.347.798	25.907.783.431	28.718.841.814
Tài sản không phân bổ					46.079.826.159	22.715.383.362
<b>Tổng tài sản</b>					<b>71.987.609.590</b>	<b>51.434.225.176</b>
	Kinh doanh sách, VPP		Cho thuê mặt bằng, bán BĐS		Tổng cộng	
	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày
	31/12/2018	01/01/2018	31/12/2018	01/01/2018	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nợ phải trả của bộ phận	7.046.833.776	9.101.941.267	2.670.723.543	1.947.183.802	9.717.557.319	11.049.125.069
Nợ phải trả không phân bổ					326.687.146	861.128.067
<b>Tổng nợ phải trả</b>					<b>10.044.244.465</b>	<b>11.910.253.136</b>

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

- Công ty TNHH Nguyên Huy
- Công ty CP Kỹ thuật Xây dựng DINCO
- Công ty CP Pacific DINCO
- HĐQT và Ban Giám đốc

Mối quan hệ

Giám đốc Công ty Nguyên Huy là cổ đông lớn của Công ty  
 Tổng Giám đốc, Chủ tịch HĐQT Công ty CP Xây dựng Kỹ thuật Dinco là thành viên HĐQT của Công ty  
 Chủ tịch HĐQT Công ty Pacific Dinco là thành viên HĐQT của Công ty  
 Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu/phải trả với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày	Tại ngày
	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Phải thu:		
Công ty CP Kỹ thuật Xây dựng DINCO	33.144.760	103.419.500
Công ty CP Pacific DINCO	2.336.400	42.265.000
<b>Cộng - Xem thêm mục 4.2</b>	<b>35.481.160</b>	<b>145.684.500</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC ĐÀ NẴNG**

Địa chỉ: 76-78 Bạch Đằng, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Phải trả:		
Công ty TNHH Nguyễn Huy	7.850.306	42.343.591
<b>Cộng - Xem thêm mục 4.10</b>	<b>7.850.306</b>	<b>42.343.591</b>

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:		
Công ty TNHH Nguyễn Huy	31.000.000	36.069.092
Công ty CP Kỹ thuật Xây dựng DINCO	1.077.576.664	294.451.818
Công ty CP Pacific Dinco	44.247.600	82.274.363
<b>Cộng - Xem thêm mục 5.1</b>	<b>1.152.824.264</b>	<b>412.795.273</b>

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Doanh thu nhận trước (Cho thuê văn phòng):		
Công ty CP Kỹ thuật Xây dựng DINCO	258.676.364	258.676.364
<b>Cộng - Xem thêm mục 4.14</b>	<b>258.676.364</b>	<b>258.676.364</b>

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí mua hàng:		
Công ty TNHH Nguyễn Huy	2.404.187.923	1.708.198.398
<b>Cộng</b>	<b>2.404.187.923</b>	<b>1.708.198.398</b>

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận do Công ty công bố. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Bà Huỳnh Phước Huyền Vy:		
Chuyển nhượng QSDĐ	27.490.000.000	-
Thanh toán tiền chuyển nhượng QSDĐ	27.490.000.000	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Thù lao Hội đồng quản trị	60.000.000	60.000.000
Thu nhập của Ban Giám đốc	791.603.995	733.355.106
<b>Cộng</b>	<b>851.603.995</b>	<b>793.355.106</b>

**8.1. Thu nhập Ban kiểm soát**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tiền lương và các chi phí hoạt động	32.400.000	32.400.000
<b>Cộng</b>	<b>32.400.000</b>	<b>32.400.000</b>

**8.2. Công cụ tài chính**

Trong quá trình hoạt động, Công ty có thể có các rủi ro tài chính như sau:

- Rủi ro tín dụng: Là khả năng mà khách nợ sẽ không hoàn trả toàn bộ hoặc một phần các khoản vay, hoặc sẽ không hoàn trả đúng hạn và do đó sẽ đưa đến một khoản lỗ cho Công ty.
- Rủi ro thanh khoản: Là rủi ro mà Công ty có thể không có hoặc không có khả năng có tiền khi cần và do đó sẽ gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ có liên quan đến các khoản công nợ tài chính.
- Rủi ro thị trường: Là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính sẽ biến động về mặt giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai do những biến động về giá cả trên thị trường. Về cơ bản, Công ty có thể có các rủi ro thị trường sau:
  - + Rủi ro tiền tệ;
  - + Rủi ro lãi suất.

Để quản lý một cách có hiệu quả các rủi ro trên, Hội đồng quản trị (HĐQT) của Công ty đã phê duyệt những chiến lược cụ thể để quản lý những rủi ro này phù hợp với mục tiêu hoạt động của Công ty. Những chiến lược này đưa ra những hướng dẫn đối với mục tiêu ngắn hạn và dài hạn và những hành động sẽ được thực hiện để quản lý những rủi ro tài chính của Công ty. Những hướng dẫn chủ yếu bao gồm:

- Tối thiểu hóa các rủi ro về giá, rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất đối với tất cả các giao dịch;
- Tất cả các hoạt động quản lý rủi ro tài chính được thực hiện và giám sát ở mức độ tập trung;
- Tất cả các hoạt động quản lý rủi ro tài chính được thực hiện trên cơ sở nhất quán, thận trọng và theo những thông lệ thị trường tốt nhất;
- Công ty có thể đầu tư cổ phiếu và các công cụ tương tự chỉ trong trường hợp có tiền nhàn rỗi tạm thời và các giao dịch này phải được HĐQT phê duyệt.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC ĐÀ NẴNG**

Địa chỉ: 76-78 Bạch Đằng, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Bảng dưới đây trình bày tóm tắt tài sản tài chính và công nợ tài chính theo từng loại:

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	33.151.937.658	9.812.310.712
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.464.145.693	1.664.028.836
<b>Cộng</b>	<b>34.616.083.351</b>	<b>11.476.339.548</b>
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	7.477.595.555	9.720.210.743
Chi phí phải trả	27.160.164	28.892.000
<b>Cộng</b>	<b>7.504.755.719</b>	<b>9.749.102.743</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản trên cơ sở ngày đến hạn được mong đợi.

Bảng dưới đây phân tích nợ tài chính theo ngày đến hạn còn lại theo hợp đồng:

	Vay VND	Nợ phải trả VND	Cộng VND
Dưới 1 năm	-	6.768.984.218	6.768.984.218
Từ 1 - 3 năm	-	735.771.501	735.771.501
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>-</b>	<b>7.504.755.719</b>	<b>7.504.755.719</b>
	Vay VND	Nợ phải trả VND	Cộng VND
Dưới 1 năm	-	9.245.542.343	9.245.542.343
Từ 1 - 3 năm	-	503.560.400	503.560.400
<b>Tại ngày 01/01/2018</b>	<b>-</b>	<b>9.749.102.743</b>	<b>9.749.102.743</b>

Công ty dự kiến sẽ thanh toán tất cả các khoản nợ khi đến hạn. Để đáp ứng các cam kết thanh toán này, Công ty dự kiến các hoạt động kinh doanh sẽ tạo ra đủ dòng tiền vào. Ngoài ra, Công ty đang nắm giữ các tài sản tài chính có thị trường thanh khoản và sẵn sàng đáp ứng nhu cầu thanh khoản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

9. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



Nguyễn Văn Càn  
Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 27 tháng 01 năm 2019

A handwritten signature in blue ink, appearing to be "Lê Mạnh".

Lê Mạnh  
Kế toán trưởng

A handwritten signature in blue ink, appearing to be "Phạm Mai Anh".

Phạm Mai Anh  
Người lập

**CÔNG TY CP SÁCH VÀ TBTH ĐÀ NẴNG**  
Mã chứng khoán: BED  
Địa chỉ: 76-78 Bạch Đằng, Đà Nẵng

**GIẢI TRÌNH  
LỢI NHUẬN SAU THUẾ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2018  
TĂNG SO VỚI LỢI NHUẬN SAU THUẾ NĂM 2017**

**Kính gửi:** Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Kết quả hoạt động kinh doanh kiểm toán năm 2018 của Công ty có lợi nhuận sau thuế đạt 28.370.729.807 đồng, tăng 249,75% - tương ứng tăng 22.062.621.365 đồng so với năm 2017 (Lợi nhuận sau thuế năm 2017 là: 6.308.108.442 đồng) là do những nguyên nhân sau:

**Về doanh thu và lợi nhuận gộp:**

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2018 tăng so với năm 2017 là 5.805.706.270 đồng, tương ứng tăng 7,5%.

Các mảng hàng tăng là sách, thiết bị- văn phòng phẩm và dịch vụ cho thuê văn phòng.

Các mảng hàng giảm là hoạt động in bao gồm in gia công và các sản phẩm ngoài sách.

Doanh thu tăng chủ yếu là từ hoạt động bán lẻ của các nhà sách công ty. Trong đó Nhà sách Thanh Khê hoạt động từ tháng 7/2017 đã phát huy được hiệu quả. Doanh số bán lẻ toàn công ty năm 2018 tăng 15,31% so với năm 2017.

Doanh thu từ hoạt động cho thuê văn phòng tăng 7,24%

Với sự tăng trưởng tích cực trong cơ cấu: bán lẻ và cho thuê văn phòng làm cho lợi nhuận gộp năm 2018 tăng so với năm 2017 là: 1.811.871.871 đồng, tương ứng tăng 8,26%.

**Về chi phí:**

Tổng chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2018 so với năm 2017 giảm 78.025.510 đồng - tương ứng giảm 0,54%.

**Về doanh thu hoạt động khác:**

Tháng 12/2018 công ty thực hiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại 193 D2, Văn Thánh Bắc, quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh thu về 27.490.000.000. Thu nhập ròng sau khi trừ chi phí liên quan và thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước là: 20.406.391.308 đ

Trên đây là những giải trình về nguyên nhân làm lợi nhuận sau thuế năm 2018 của Công ty tăng so với năm 2017.

Công ty kính giải trình.

**NGƯỜI LẬP**



Nơi gửi:  
Như trên  
Lưu HC-TC

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 1 năm 2019

